

LỊCH SỬ 12- ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1 (2025-2026)

Chủ đề 1. THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

Bài 1. LIÊN HỢP QUỐC

A. Kiến thức cơ bản

1. Một số vấn đề cơ bản về Liên hợp quốc

a) Lịch sử hình thành

Bối cảnh lịch sử

– Trong giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai, tình hình thế giới có sự chuyển biến quan trọng, ưu thế trên chiến trường thuộc về phe Đồng minh chống phát xít.

- Vấn đề cấp bách là cần phải thiết lập một tổ chức quốc tế có vai trò thực sự trong việc duy trì hoà bình, an ninh thế giới sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

• *Quá trình hình thành*

- Ngày 01 – 01 – 1942, đại diện 26 nước Đồng minh họp tại Oa-sinh-ton (Mỹ), kí Tuyên bố Liên hợp quốc.

– Tại Hội nghị Tê-hê-ran (I-ran, từ tháng 11 đến tháng 12 – 1943), ba cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh thoả thuận thiết lập một tổ chức quốc tế mới nhằm thay thế cho Hội Quốc liên, - Tại Hội nghị I-an-ta (Liên Xô, tháng 02 – 1945), ba cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh đã ra quyết định thành lập Liên hợp quốc và đồng ý triệu tập hội nghị để thông qua Hiến chương Liên hợp quốc.

– *Tại Hội nghị Xan Phran-xi-xcô (Mỹ), từ ngày 25 – 4 – 1945 đến ngày 26 – 6 – 1945), Hiến chương Liên hợp quốc được thông qua.*

– Ngày 24 – 10 – 1945, Hiến chương Liên hợp quốc được Quốc hội các nước thành viên phê chuẩn, Liên hợp quốc chính thức được thành lập.

b) Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động

Mục tiêu

Theo Hiến chương, Liên hợp quốc được thành lập nhằm bốn mục tiêu:

1. Duy trì hoà bình và an ninh quốc tế;
2. Phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng, quyền tự quyết dân tộc và củng cố hoà bình thế giới;
3. Thúc đẩy hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề về kinh tế, xã hội, văn hoá, nhân đạo trên cơ sở tôn trọng các quyền con người và quyền tự do cơ bản cho tất cả mọi người;
4. Trở thành trung tâm phối hợp mọi hành động của các dân tộc nhằm đạt được những

mục tiêu nói trên.

* Nguyên tắc hoạt động

Hiến chương Liên hợp quốc đã thể hiện các nguyên tắc hoạt động của tổ chức này:

1. Bình đẳng chủ quyền của tất cả các quốc gia thành viên;
2. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị quốc gia;

3. Cấm đe dọa sử dụng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế;
4. Không can thiệp vào công việc nội bộ các nước;
5. Tôn trọng các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc tế;
6. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.

2. Vai trò của Liên hợp quốc

a) Trong lĩnh vực duy trì hoà bình, an ninh quốc tế

- Giải quyết xung đột và tranh chấp ở nhiều khu vực, khôi phục hoà bình và hỗ trợ tái thiết ở nhiều quốc gia.
- Thúc đẩy quá trình phi thực dân hoá, xoá bỏ chủ nghĩa thực dân trên phạm vi toàn cầu, thủ tiêu các hình thức của chế độ phân biệt chủng tộc.
- Xây dựng một hệ thống các công ước, hiệp ước quốc tế về giải trừ quân bị cũng như ngăn chặn phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt.

b) Trong lĩnh vực phát triển

Ưu tiên việc tạo môi trường kinh tế quốc tế bình đẳng, hỗ trợ các nền kinh tế kém phát triển.

- Từ năm 1960, Đại hội đồng Liên hợp quốc đề ra các chiến lược phát triển cho từng thập kỉ nhằm huy động sự hợp tác quốc tế cho các mục tiêu phát triển chung.
- Tháng 9 – 2015, tại Hội nghị Thượng đỉnh ở Niu Oóc, Liên hợp quốc thông qua Chương trình nghị sự 2030 với 17 mục tiêu, lấy phát triển bền vững là định hướng xuyên suốt của ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường.

c) Trong lĩnh vực quyền con người, văn hoá, xã hội

Về quyền con người

Năm 1948, Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền. Văn kiện này làm cơ sở cho việc ra đời hơn 80 công ước và tuyên bố quốc tế về quyền con người.

Về văn hóa, xã hội

Các cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc như Tổ chức giáo dục Khoa học, Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO), Tổ chức Y tế thế giới (WHO),... đã góp phần phát triển sự hợp tác về giáo dục, khoa học, văn hóa, xã hội giữa các quốc gia thành viên; các quỹ, chương trình của Liên hợp quốc như Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), Chương trình môi trường Liên hợp quốc (UNEP),... đã thúc đẩy giải quyết các vấn đề thách thức toàn cầu, chú trọng các vấn đề giáo dục, nhân đạo...

B. Câu hỏi ôn luyện

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Nhằm duy trì hoà bình và an ninh thế giới sau chiến tranh, Hội nghị I-an-ta (2-1945) có quyết định quan trọng nào sau đây?

- | | |
|---|---|
| A. Thành lập Ban Thư kí Liên hợp quốc. | B. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc. |
| C. Thành lập tổ chức Hội Quốc liên. | D. Duy trì và mở rộng Hội Quốc liên. |

Câu 2. Từ cuối tháng 4 đến cuối tháng 6-1945, 50 nước họp tại Xan Phran-xi-xcô (Mỹ) thông qua nội dung nào sau đây?

- A. Hiệp định đình chiến ở Đông Dương. B. Kết thúc chiến tranh Triều Tiên.
C. Xét xử tội phạm chiến tranh thế giới. D. Hiến chương Liên hợp quốc.

Câu 3. “Duy trì hoà bình và an ninh thế giới; thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia dựa trên sự tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc, củng cố hoà bình thế giới” là nhiệm vụ chính của tổ chức quốc tế nào sau đây?.

- A. Tổ chức ASEAN. B. Liên minh châu Âu. C. Liên hợp quốc. D. Tổ chức NATO.

Câu 4. Một trong những cơ quan chính của LHQ được quy định trong Hiến, Liên hợp quốc (năm 1945) là

- A. Ngân hàng Thế giới. B. Quỹ Nhi đồng. C. Hội đồng Bảo an. D. Tổ chức Thương mại Thế giới.

Câu 5. Liên hợp quốc được thành lập (1945) không nhằm mục tiêu nào sau đây?

- A. Hợp tác quốc tế giữa các nước thành viên.
B. Duy trì nền hoà bình và an ninh trên thế giới.
C. Phát triển quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc.
D. Duy trì Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

Câu 6. Một trong những nguyên tắc hoạt động của LHQ được quy định trong Hiến chương LHQ là

- A. tôn trọng các nghĩa vụ và luật pháp quốc tế.
B. tôn trọng quyết định của 5 nước Uỷ viên thường trực.
C. không đưa quân đội Liên hợp quốc vào các khu vực.
D. tôn trọng độc lập của 50 nước sáng lập Liên hợp quốc.

Câu 7. Trong quá trình hoạt động, LHQ đã thực hiện được vai trò quan trọng nào sau đây?

- A. Ngăn chặn được mọi cuộc chiến tranh ở các khu vực.
B. Góp phần vào chấm dứt nạn khủng bố trên toàn cầu.
C. Ngăn chặn không để xảy ra cuộc chiến tranh thế giới mới.
D. Góp phần chấm dứt tình trạng đói nghèo ở châu Phi.

Câu 8. Bản Hiến chương được đánh giá là văn kiện quan trọng hàng đầu của tổ chức

Liên hợp quốc vì lí do nào sau đây?

- A. Là cơ sở pháp lí để các nước tham gia Liên hợp quốc.
- B. Nêu rõ các mục đích hoạt động của Liên hợp quốc.
- C. Quy định các tổ chức, cơ chế hoạt động của Liên hợp quốc.
- D. Đề ra các nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.

Câu 9. Những quốc gia nào sau đây đóng vai trò quyết định, đồng thời là sáng lập viên của tổ chức Liên hợp quốc?

- A. Liên Xô, Mỹ và Đức.
- B. Liên Xô, Mỹ và Anh.
- C. Mỹ, Anh và Đức.
- D. Liên Xô, Anh và Ba Lan.

Câu 10. Trải qua hơn 70 năm hoạt động (từ năm 1945), Liên hợp quốc đã có nhiều vai trò, đóng góp trên các lĩnh vực, nhưng không có vai trò nào sau đây?

- A. Góp phần thúc đẩy quá trình phi thực dân hoá ở nhiều nơi trên thế giới.
- B. Ra các văn bản, xây dựng môi trường thuận lợi thúc đẩy hợp tác quốc tế.
- C. Ngăn chặn được các cuộc đối đầu Đông – Tây và xung đột trên thế giới.
- D. Làm trung gian hoà giải chấm dứt xung đột và chiến tranh ở các khu vực.

Câu 11. Việt Nam đã vận dụng nguyên tắc nào sau đây của Hiến chương Liên hợp quốc để giải quyết vấn đề phức tạp ở Biển Đông hiện nay?

- A. Tôn trọng chủ quyền và quyền tự quyết của các nước lớn.
- B. Chủ động thương lượng, nhân nhượng để bảo đảm hoà bình.
- C. Không cần sự hỗ trợ của các tổ chức ở khu vực và quốc tế.
- D. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.

Câu 12. Trong bối cảnh thế giới phân chia thành “hai cực”, “hai phe” (1945 – 1991), nguyên tắc hoạt động nào sau đây đang được xem là có ý nghĩa thực tiễn đối với Liên hợp quốc?

- A. Chung sống hoà bình và cần có sự nhất trí của 5 cường quốc.
- B. Ra nghị quyết yêu cầu các nước dừng việc chạy đua vũ trang.
- C. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các cường quốc.
- D. Bình đẳng chủ quyền và quyền tự quyết của các cường quốc.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau đây: Tháng 6-1941, tại Luân Đôn (Anh), các nước Đồng minh ra tuyên bố cam kết cùng hợp tác cả trong chiến tranh và hoà bình. Sự kiện này đã đặt cơ sở cho việc hướng tới thành lập Liên hợp quốc. Từ đó, các nước Đồng minh (vai trò lớn nhất thuộc về Liên Xô, Mỹ và Anh) đã tổ chức nhiều cuộc họp ở Tê-hê-ran (I-ran) và Mát-xcơ-va (Liên Xô) để sớm thành lập một tổ chức quốc tế, nhằm thực hiện việc duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

Tại Hội nghị I-an-ta (2-1945), Liên Xô, Mỹ và Anh đã thống nhất thành lập tổ chức Liên hợp quốc. Ngày 24-10-1945, với sự phê chuẩn Hiến chương của các thành viên, tổ chức Liên hợp quốc chính thức được thành lập.

- a) Quá trình hình thành Liên hợp quốc kéo dài từ năm 1941 đến năm 1945, phù hợp tài với khát vọng được sống trong hoà bình của nhân dân thế giới.
- b) Cho đến nay, Liên hợp quốc vẫn là tổ chức liên kết quốc tế lớn nhất hành tinh, có nhiệm vụ hàng đầu là tập trung vào ổn định nền kinh tế toàn cầu.
- c) Liên Xô, Mỹ và Anh là những nước có vị thế hàng đầu trong việc đặt cơ sở và tích cực trong quá trình thành lập Liên hợp quốc.
- d) Việt Nam là một trong những quốc gia sớm gia nhập Liên hợp quốc, sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời (9-1945).

Câu 2. Đọc tư liệu sau đây:“Không có nội dung nào trong Hiến chương này cho phép Liên hợp quốc can thiệp vào các vấn đề về thực chất thuộc quyền nội bộ của bất kì quốc gia nào hoặc yêu cầu các thành viên đưa những vấn đề đó ra giải quyết theo Hiến chương hiện tại...”.

(Trích: Điều 2, Hiến chương Liên hợp quốc)

- a) Theo tư liệu, nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc được thể hiện tại Điều 2 của Hiến chương Liên hợp quốc.
- b) Hiến chương Liên hợp quốc có nhiều nguyên tắc, trong đó nhấn mạnh việc không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia.
- c) Một nguyên tắc quan trọng trong quá trình hoạt động của Liên hợp quốc là nếu có tranh chấp quốc tế thì các bên phải giải quyết bằng biện pháp hoà bình.
- d) Liên hợp quốc quy định các nước thành viên phải tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của 5 cường quốc (Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp và Trung Quốc).

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:“Mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân quyền và các quyền.

Mọi người đều được tạo hoá ban cho lí trí và lương tâm, và cần phải đối xử với nhau bằng tình anh em”.

(Trích: Điều 1, Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền của Liên hợp quốc)

- a) Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền của Liên hợp quốc là tuyên ngôn về các quyền của con người nói chung, không có sự phân biệt nước lớn, nước nhỏ.
- b) Theo Điều 1 của Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, chỉ các dân tộc trên thế giới sau khi giành được độc lập mới có quyền tự do và bình đẳng.
- c) Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền đã góp phần xây dựng một thế giới công bằng hơn, tạo cơ hội phát triển cho tất cả mọi người ở mọi quốc gia trên thế giới.
- d) Trong việc bảo đảm quyền con người, Liên hợp quốc chỉ tập trung bảo vệ quyền phụ nữ và trẻ em ở các nước đang chịu “di chứng” của chủ nghĩa thực dân.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:[Đối với việc thúc đẩy quá trình phi thực dân hoá trên thế giới, năm 1960] “Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua bản Tuyên ngôn về thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân, trao trả độc lập cho các quốc gia và dân tộc thuộc địa... Như thế, Tuyên ngôn đã khẳng định các nước thực dân đã vi phạm nguyên tắc quan trọng nhất của luật pháp quốc tế; khẳng định rõ ràng cơ sở pháp lí quốc tế của cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc bị áp bức”.

(Nguyễn Quốc Hùng, Nguyễn Hồng Quân, *Liên hợp quốc và Lực lượng gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.46)

- a) Liên hợp quốc đóng vai trò quyết định vào quá trình giải trừ chủ nghĩa thực dân.
- b) Việt Nam trở thành biểu tượng thúc đẩy quá trình phi thực dân hoá trên thế giới.
- c) Mỹ và các nước phương Tây là những quốc gia dân chủ và tiên tiến, đi tiên phong trong việc ủng hộ thúc đẩy quá trình phi thực dân hoá trên thế giới.
- d) Cuộc đấu tranh xóa bỏ thuộc địa do các nước đế quốc lập ra trước Chiến tranh thế thứ hai ở châu Á, châu Phi và Mỹ La-tinh được gọi là quá trình phi thực dân hoá.

Bài 2. TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

A. Kiến thức cơ bản

1. Sự hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực Ianta

- a) Quá trình hình thành.

Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Ba vấn đề quan trọng đặt ra với các nước Đồng minh cần phải giải quyết:

- Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít;
- Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh
- Phân chia thành quả chiến thắng giữa các nước thắng trận.

Hội nghị I-an-ta được triệu tập từ ngày 04 đến ngày 11 – 02 – 1945 với sự tham dự của lãnh đạo ba cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh.

Hội nghị đã đưa ra những quyết định:

- Thống nhất tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật; để nhanh chóng kết thúc chiến tranh, sau khi đánh bại phát xít Đức từ 2 đến 3 tháng Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật Bản ở châu Á.
- Thành lập tổ chức Liên hợp quốc để duy trì hoà bình và an ninh thế giới.
- Thoả thuận về việc đóng quân và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

Những quyết định của Hội nghị I-an-ta cùng những thoả thuận sau đó của Liên Xô, Mỹ, Anh tại Hội nghị Pốt-xđam (từ tháng 7 đến tháng 8 – 1945) đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới, thường được gọi là Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta với đặc trưng nổi bật là thế giới chia thành hai hệ thống đối lập nhau: tư bản chủ nghĩa do Mỹ đứng đầu và xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu.

b) Quá trình tồn tại Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

- Giai đoạn từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX: giai đoạn xác lập và phát triển của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta, hình thành hai hệ thống xã hội đối lập nhau về hệ tư tưởng, chính trị, quân sự,...

Về kinh tế

- Tháng 6 – 1947, Mỹ thực hiện Kế hoạch phục hưng châu Âu (Kế hoạch Mác-san), nhằm viện trợ cho các nước Tây Âu khôi phục kinh tế.
- Tháng 01 – 1949, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV), nhằm tăng cường sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau.

Về quân sự

- Năm 1949, Mỹ và các nước tư bản phương Tây thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).
- Năm 1955, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Tổ chức Hiệp ước Vác sa vào Cả hai khối chạy đua vũ trang, duy trì sự đối đầu về lực lượng quân sự, vũ khí hiện đại. và đặc biệt là vũ khí hạt nhân.

- Giai đoạn từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1991: giai đoạn Trật tự thế giới hai cực I-an-ta suy yếu và đi đến sụp đổ.

Đầu những năm 70 của thế kỉ XX

- Xu thế hoà hoãn giữa hai bên cũng tiếp tục phát triển.
- Năm 1972, Liên Xô và Mỹ tiến hành những cuộc gặp gỡ cấp cao, đạt được những thoả thuận hạn chế vũ khí chiến lược.

Từ nửa sau thập kỉ 80 của thế kỉ XX

- Liên Xô và Mỹ đẩy mạnh đối thoại.
- Tháng 12 – 1989, Mỹ và Liên Xô đã tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.
- Từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX*
- Chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ.
- Trật tự thế giới hai cực I-an-ta chấm dứt.

2. Nguyên nhân và tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

a) Nguyên nhân sụp đổ

- Cuộc chạy đua vũ trang kéo dài hơn bốn thập kỉ làm suy giảm thế mạnh của cả Mỹ và Liên Xô.
- Phong trào giải phóng dân tộc phát triển thắng lợi, các nước thuộc thế giới thứ ba vươn lên, góp phần phá vỡ khuôn khổ trật tự hai cực.
- Sự vươn lên mạnh mẽ của các nước Tây Âu, Nhật Bản, các nước công nghiệp mới (NICS),...
- Sự khủng hoảng và những sai lầm trong công cuộc cải tổ đã làm suy giảm sức mạnh, dẫn tới sự sụp đổ về mặt nhà nước của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô.
- Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba diễn ra mạnh mẽ, đòi hỏi các nước phải tập trung sức mạnh để chiếm lĩnh, phát triển kinh tế.

b) Tác động

- Đưa đến xu thế phát triển mới trong quan hệ quốc tế. Một trật tự thế giới mới dần được hình thành theo xu thế đa cực.
- So sánh tương quan lực lượng trên thế giới với ưu thế tạm thời thuộc về Mỹ.
- Mở ra chiều hướng và điều kiện để giải quyết hoà bình các vụ tranh chấp, xung đột khu vực.

B. Nội dung ôn luyện

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta được hình thành bắt nguồn từ những quyết định của

- A. Liên Xô và Mỹ ở Hội nghị Xan Phran-xi-xcô.
- B. “Hội nghị tam cường” và Hội nghị Pôt-xđam (1945).
- C. Liên Xô, Mỹ, Anh trong Hội nghị Tê-hê-ran.
- D Hội nghị Tê-hê-ran (1943) và Hội nghị I-an-ta (1945).

Câu 2. Nội dung nào sau đây là một trong những quyết định của Hội nghị I-an-ta (2-1945)?

- A. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.
- B. Xây dựng một trật tự thế giới mới nhằm giải quyết dứt điểm các vấn đề hậu chiến tranh.

C. Đồng ý thành lập tổ chức Hội Quốc liên để duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

D. Thoả thuận việc phân chia phạm vi ảnh hưởng của Mỹ và Liên Xô ở châu Phi.

Câu 3. Theo thoả thuận của các cường quốc tại Hội nghị I-an-ta (2-1945), địa bàn nào sau đây ở châu Âu sẽ thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mỹ?

A. Béc-lin. B. Đông Đức. C. Đông Âu. D. Tây Âu.

Câu 4. Theo quyết định của các cường quốc tại Hội nghị I-an-ta (2-1945), vùng ảnh hưởng của Liên Xô ở châu Á sẽ là

A. phía bắc vĩ tuyến 38 trên bán đảo Triều Tiên. B. phía nam vĩ tuyến 38 trên bán đảo Triều Tiên.

C. khu vực Tây Á, Nam Á và Đông Nam Á. D. khu vực Trung Đông và bán đảo Triều Tiên.

Câu 5. Quyết định nào sau đây của Hội nghị I-an-ta (2-1945) tạo nên những bất lợi cho cách mạng Việt Nam trong những năm 1945 – 1946?

A. Quân Anh cùng với quân Pháp làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật.

B. Quân Anh và quân Trung Hoa Dân quốc vào kiểm soát Đông Dương.

C. Liên Xô có phạm vi ảnh hưởng và kiểm soát ở các nước Đông Dương.

D. Đông Nam Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.

Câu 6. Nhận xét nào sau đây là tác động của Hội nghị I-an-ta và Hội nghị Pôt-xđam (1945) đối với tình hình quốc tế?

A. Tạo nên một trật tự thế giới mới giữa các nước thắng trận và bại trận.

B. Giải quyết được mâu thuẫn về vấn đề thị trường cho các cường quốc.

C. Tạo nên khuôn khổ của trật tự thế giới – trật tự nhất siêu, nhiều cực.

D. Làm thay đổi sâu sắc quan hệ quốc tế, đặc biệt là quan hệ Xô – Mỹ.

Câu 7. Nội dung nào sau đây là đặc điểm nổi bật của trật tự thế giới mới được hình thành sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Một trật tự thế giới được thiết lập trên cơ sở nước thắng trận thống trị nước bại trận.

B. Xác lập trật tự thế giới mới của các nước tư bản chủ nghĩa do Mỹ đứng đầu, chi phối.

C. Hình thành trật tự thế giới hai cực đối lập: cực Liên Xô và cực Mỹ đứng đầu mỗi bên.

D. Trật tự thế giới được thiết lập trên cơ sở các nước thắng trận đoàn kết, đồng thuận.

Câu 8. Những quyết định của Hội nghị I-an-ta cùng sự thoả thuận của Liên Xô, Mỹ và Anh ở Hội nghị Pốt-xđam (1945) đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới, vì

A. các nước tham chiến được hưởng nhiều quyền lợi sau chiến tranh.

B. khép lại trật tự thế giới cũ và xác lập trật tự thế giới “hai cực” đối lập.

C. mở đầu quá trình giải thể chủ nghĩa thực dân mới ở các thuộc địa.

D. đã phân chia xong phạm vi ảnh hưởng giữa các nước thắng trận.

Câu 9. Nội dung nào sau đây là nhân tố hàng đầu chi phối toàn bộ đời sống chính trị thế giới trong phần lớn thời gian nửa sau thế kỉ XX?

A. Cục diện trật tự hai cực, hai phe: tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

B. Hai hệ thống xã hội đối lập ra đời: tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

C. Xu hướng liên kết khu vực và xu thế toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ.

D. Các cuộc “chiến tranh nóng” ở châu Á liên tiếp diễn ra không có hồi kết.

Câu 10. Quan hệ Mỹ – Liên Xô trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã chuyển biến từ đối thoại.

A. đối đầu sang đối thoại. B. đối đầu sang thoả hiệp. C. đồng minh sang đối đầu.

D. đồng minh sang đối tác.

Câu 11. Nội dung nào sau đây không phải là tác động của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta?

A. Cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.
khủng bố.

B. Sự xuất hiện của chủ nghĩa

C. Chiến tranh giữa hai miền Triều Tiên.

D. Bức tường Béc-lin chia đôi

nước Đức.

Câu 12. Cuộc chiến tranh nào sau đây đã trở thành cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất phản ánh mâu thuẫn giữa hai cực, hai phe – tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa?

A. Cuộc chiến tranh trên bán đảo Triều Tiên (1950 – 1953).

B. Nội chiến Quốc

– Cộng ở Trung Quốc (1946 – 1949).

C. Chiến tranh của Pháp ở Đông Dương (1945 – 1954).
tranh của Mỹ ở Việt Nam (1954 – 1975).

D. Cuộc chiến

Câu 13. Kế hoạch Mác-san (1947) của Mỹ và Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) do Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập (1949) là một trong những biểu hiện về sự đối đầu của hai cực thế giới I-an-ta trên lĩnh vực

A. quân sự. B. văn hoá. C. pháp lí. D. kinh tế.

Câu 14. Trong giai đoạn từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Trật tự thế giới hai cực I-an-ta có biểu hiện nào sau đây?

- A. Từ đối kháng chuyển sang đối đầu giữa hai hệ thống xã hội đối lập.
- B. Xác lập và phát triển nhanh với sự đối đầu diễn ra trên nhiều lĩnh vực.
- C. Phát triển mạnh và dẫn tới các cuộc chiến tranh cục bộ giữa Liên Xô – Mỹ.
- D. Từ đối đầu căng thẳng chuyển sang hoà dịu và hoà hoãn Đông Tây.

Câu 15. Quan hệ giữa hai nước Liên Xô và Mỹ chuyển sang căng thẳng sau sự kiện nào sau đây?

- A. Thông điệp của Tổng thống Mỹ Tơ-ru-man (12-3-1947).
- B. Những quyết định của Hội nghị Pốt-xđam (1945).
- C. Các điều khoản trong Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954).
- D. Các điều khoản trong Hiệp định Pa-ri về Việt Nam (1973).

Câu 16. Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX, quan hệ Mỹ – Liên Xô chuyển dần sang hòa dịu, sau đó kết thúc Chiến tranh lạnh (1989) là do

- A. chịu nhiều tổn kém và bị suy giảm thế mạnh về nhiều mặt.
- B. xu thế liên kết khu vực và toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ.
- C. quá trình mở rộng không ngừng của Liên minh châu Âu (EU).
- D. trật tự nhất siêu, nhiều cường đang trong quá trình mở rộng.

Câu 17. Trong thời gian tồn tại của trật tự thế giới hai cực, hai phe, sự kiện nào sau đây của Việt Nam không chịu sự tác động của xu thế hoà hoãn Đông – Tây?

- A. Đàm phán và kí kết Hiệp định Pa-ri (1973).
- B. Giải quyết vấn đề Cam-pu-chia (1989 – 1991).
- C. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.
- D. Công cuộc Đổi mới đất nước (từ năm 1986).

Câu 18. Nội dung nào sau đây là yếu tố quyết định dẫn đến Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ?

- A. Tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba.
- B. Sự vươn lên mạnh mẽ của các nước và tổ chức quốc tế.
- C. Liên Xô và Mỹ bị suy giảm vị thế do phải chạy đua vũ trang.
- D. Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô lâm vào khủng hoảng và tan rã.

Câu 19. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ (1991) có tác động nào sau đây đến quốc tế?

- A. Mở rộng quan hệ quốc tế, thúc đẩy xu thế toàn cầu hoá.
- B. Mỹ chuyển sang ủng hộ xu thế đa cực, nhiều trung tâm.
- C. Đưa tới sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- D. Trung Quốc đã vươn lên trở thành nền kinh tế số 1 thế giới.

Câu 20. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta (1991) đến các quốc gia trên thế giới?

- A. Mỹ vươn lên thiết lập trật tự thế giới “đơn cực” do Mỹ làm bá chủ.
- B. Một số cường quốc có vị trí ngày càng cao trong quan hệ quốc tế.
- C. Các nước tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa xung đột gay gắt.
- D. Các quốc gia chạy đua vũ trang để có vị trí trong trật tự thế giới mới.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:“Trước kia, chế độ quân chủ tại Hy Lạp đã nhờ vào sự giúp đỡ của Anh, nhưng sau Chiến tranh thế giới thứ hai, kinh tế của nước Anh hoàn toàn suy kiệt, lo cho mình còn không xong, nên không thể giúp đỡ gì cho chế độ quân chủ ở Hy Lạp nữa.

Vào ngày 12-3-1947, Tổng thống Tơ-ru-man đã đọc một bài diễn văn tại lưỡng viện Quốc hội Mỹ, cho rằng Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ nếu bị rơi vào khối xã hội chủ nghĩa, thì cả Trung Đông cũng sẽ rơi theo... sẽ làm cho cả Tây Âu bị ảnh hưởng. Do vậy, ông thuyết phục Quốc hội Mỹ chi viện kinh tế và quân sự cho Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ với số tiền 400 triệu đô la. Li luận này về sau được gọi là “Học thuyết Tơ-ru-man””.

(Vương Kính Chi, *Lược sử nước Mỹ* (Phong Đảo dịch), NXB Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2000, tr.145)

- a) Chiến tranh lạnh là cuộc đối đầu gay gắt giữa Mỹ và Liên Xô, chỉ diễn ra ở châu Âu.
- b) Thông điệp của Tổng thống Mỹ Tơ-ru-man đọc trước Quốc hội Mỹ ngày 12-3-1947 Tin đã khởi đầu cuộc Chiến tranh lạnh chống lại Liên Xô và các nước Đông Âu.
- c) Nguồn gốc của sự đối đầu căng thẳng giữa Mỹ và Liên Xô xuất phát từ “vấn đề Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ” sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- d) Học thuyết Tơ-ru-man phản ánh chính sách đối ngoại của Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, muốn đưa nước Mỹ trở thành bá chủ thế giới.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau đây: Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX, trên thế giới diễn ra nhiều cuộc gặp gỡ thương lượng của nguyên thủ quốc gia các nước và khu vực: Mỹ và Liên Xô, Mỹ với Trung Quốc, hai miền nước Đức, Đông Âu và Tây Âu,... Tháng 12-1989, trong một cuộc họp không chính thức tại đảo Man-ta (Địa Trung Hải), đại diện hai nhà lãnh đạo cấp cao của Liên Xô (Góc-ba-chốp) và Mỹ (Bu-sơ) đã chính thức cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

Sau Chiến tranh lạnh, Liên Xô, Mỹ và các nước đã thỏa thuận giải quyết cuộc xung đột ở nhiều nơi trên thế giới bằng giải pháp hoà bình: ở Á-p-ga-ni-xtan, Cam-pu-chia, Tây Nam Phi,... Nhiều tổ chức liên minh khu vực và châu lục được mở rộng, hoặc thay đổi tên gọi mới, kết nạp thêm thành viên và kết nối liên lục địa (ASEAN, EU, ASEM, APEC,...).

- a) Mặc dù Chiến tranh lạnh vẫn tiếp diễn, nhưng từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX, xu thế hoà hoãn Đông – Tây đã diễn ra.
- b) Xu thế hoà hoãn Đông – Tây chỉ được diễn ra, bàn luận và quyết định bởi các cuộc gặp gỡ thương lượng giữa nguyên thủ quốc gia của hai nước Liên Xô và Mỹ.
- c) Trong xu thế hoà hoãn Đông – Tây, Việt Nam luôn ủng hộ và đã thành công trong việc kí Hiệp định Pa-ri (1973) và giải quyết “vấn đề Cam-pu-chia” (1991).
- d) Chiến tranh lạnh chấm dứt, sau đó là Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ đã mở ra chiều hướng và những điều kiện giải quyết quan hệ quốc tế bằng giải pháp hoà bình.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:“Vào thập niên 1980, mối quan hệ nồng ấm giữa Tổng thống Mỹ Ri-gân và nhà lãnh đạo Liên Xô Goóc-ba chớp đã giúp giảm dần tình trạng căng thẳng của CTL. Năm 1987, hai nhà lãnh đạo đã đồng ý huỷ bỏ tên lửa hạt nhân tầm trung. Năm 1989, Goóc-ba chấp cho phép các quốc gia XHCN ở Đông Âu bầu ra chính phủ dân chủ, và đến năm 1991, Liên Xô tan rã thành 15 nước cộng hoà độc lập. Ngày 12-3-1999 Hung-ga-ri, Ba Lan và Cộng hoà Séc gia nhập khối NATO”.

(King Fisher, *Bách khoa thư lịch sử* (Nguyễn Đức Tĩnh và Ngô Minh Châu dịch), NXB Thế giới, Hà Nội, 2016, tr.437.

- a) Trật tự thế giới hai cực I-an-ta bắt đầu bị xói mòn và sụp đổ trong thập niên 1980.
- b) Chiến tranh lạnh kết thúc và Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ bắt nguồn từ những nguyên nhân khác nhau, nhưng yếu tố Mỹ và Liên Xô vẫn là quyết định.
- c) Cuộc Chiến tranh lạnh đã kết thúc và Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đã sụp đổ, nhưng nhiều di chứng của nó vẫn còn và vẫn đang tiếp diễn ở nhiều nơi trên thế giới.
- d) Việc Liên Xô tan rã (1991) đã chính thức chấm dứt cục diện hai cực, hai phe.

Bài 3. TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

A. Kiến thức cơ bản

1. Xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh

• Xu thế đa cực

Thể hiện rõ ở đầu thế kỉ XXI với sự xác lập trật tự thế giới mới, nhiều cực, nhiều trung tâm trong quan hệ quốc tế.

• Xu thế lấy phát triển kinh tế là trọng tâm

Các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy kinh tế làm trọng tâm, xây dựng sức mạnh tổng hợp của mỗi quốc gia.

• Xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế

Các nước điều chỉnh quan hệ với nhau theo chiều hướng hoà hoãn, đối thoại đa dạng hoá, đa phương hoá, xây dựng quan hệ hợp tác chiến lược ổn định và lâu dài.

• Xu thế toàn cầu hóa

Diễn ra xu thế toàn cầu hoá một cách mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực, biểu hiện là sự phát triển nhanh chóng của nền thương mại thế giới, với vai trò ngày càng lớn của các công ty xuyên quốc gia và tính quốc tế hoá của nền tài chính thế giới.

2. Xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế

a) Khái niệm đa cực

– Là một thuật ngữ trong quan hệ quốc tế, dùng để chỉ một trật tự thế giới có sự tham gia của nhiều nước, nhiều trung tâm,

B. Từng bước giảm bớt số lượng vũ khí hạt nhân của các cường quốc.

C. Muốn có môi trường thuận lợi để vươn lên xác lập vị thế quốc tế.

D. Cần tập trung vào cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa khủng bố.

Câu 5. Nhân tố nào sau đây đóng vai trò quyết định để các cường quốc tham gia xác lập trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh?

A. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia, trong đó kinh tế vẫn là trụ cột.

B. Là 1 trong 5 cường quốc của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

C. Sự ra đời và ngày càng mở rộng của các tổ chức liên kết khu vực.

D. Sức mạnh quân sự của quốc gia với lực lượng quân sự hùng hậu.

Câu 6. Sau Chiến tranh lạnh, các quốc gia nào sau đây là một trong những trung tâm quyền lực đang vươn lên khẳng định sức mạnh về kinh tế, quân sự và chính trị đối với quốc tế?

A. Nhật Bản và Nam Phi.

B. Trung Quốc và Ấn Độ.

C. Mỹ, Anh và Tây Ban Nha.

D. Liên bang Nga và Mông Cổ.

Câu 7. Nội dung nào sau đây không phải là biểu hiện của xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh?

A. Mỹ vẫn là cường quốc số 1 thế giới, nhưng đã suy giảm so với trước.

B. Bên cạnh Mỹ, nhiều trung tâm quyền lực cũng xuất hiện và phát triển.

C. Các công ty xuyên quốc gia của Mỹ vươn ra chi phối nền kinh tế toàn cầu.

D. Các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực có vai trò lớn.

Câu 8. Trong bối cảnh quốc tế đang diễn ra theo nhiều xu thế mới với những diễn biến phức tạp, chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam là

A. tham gia liên minh chính trị với Mỹ và các nước phương Tây.

B. chủ động kết nối các cường quốc để nâng tầm đối tác chiến lược.

C. hội nhập quốc tế để thu hút vốn đầu tư bên ngoài bằng mọi giá.

D. chủ động nắm bắt thời cơ, đi tắt đón đầu để vượt qua thách thức.

Câu 9. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô (1989 – 1991) đã tạo cho Mỹ lợi thế nào sau đây?

A. Chi phối được các nước tư bản đồng minh đi theo Mỹ.

B. Tận dụng cơ hội để thiết lập trật tự giới đơn cực.

C. Đẩy mạnh việc triển khai chiến lược đa phương hoá.

D. Thực hiện thành công mục tiêu chiến lược toàn cầu.

Câu 10. Một trật tự thế giới mà ở đó các nước lớn, các trung tâm kinh tế – tài chính lớn như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Liên bang Nga,... có vị thế đối với quan hệ quốc tế được gọi là trật tự

A. đa cực, nhiều trung tâm. B. đơn cực, nhất siêu. C. đa phương hoá D. tam cường, đa phương.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây: “Trật tự thế giới mới này được hình thành như thế nào, còn tùy thuộc ở nhiều nhân tố: Sự phát triển về thực lực kinh tế, chính trị, quân sự của các cường quốc Mỹ, Nga, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nhật Bản, Đức trong cuộc chạy đua về sức mạnh quốc gia tổng hợp... Sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng thế giới (sự thành bại của công cuộc cải cách, đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa,...); Sự phát triển của cách mạng khoa học – kĩ thuật sẽ còn tiếp tục tạo ra những “đột phá” và biến chuyển trên cục diện thế giới”.

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2021, tr.424)

a) Đoạn tư liệu là minh chứng cho xu thế đa cực, nhiều trung tâm trong quan hệ quốc tế trong thời gian diễn ra cuộc Chiến tranh lạnh.

b) Trong quan hệ quốc tế, khái niệm đa cực chỉ trạng thái địa – chính trị toàn cầu với ba trung tâm quyền lực chi phối là Mỹ, Liên bang Nga và Trung Quốc.

c) Khái niệm đa cực được dùng chủ yếu để chỉ trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh.

d) Để có thể trở thành một cực trong xu thế đa cực, nhiều trung tâm, các nước phải có chiến lược xây dựng sức mạnh tổng hợp, trong đó sức mạnh kinh tế là trụ cột.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau đây: Trong xu thế đa cực, nhiều trung tâm, Mỹ và Trung Quốc là hai cực có tầm ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế thế giới: Mỹ vẫn duy trì vị trí cường quốc số 1 thế giới; từ năm 2010, Trung Quốc đã vượt qua Anh, Pháp, Đức, Nhật Bản để trở thành nền kinh tế thứ hai thế giới. Tuy nhiên, các nước lớn và trung tâm kinh tế, tài chính khác (Nhật Bản, Liên minh châu Âu, Liên bang Nga, Ấn Độ,...) cũng đang nỗ lực vươn lên mạnh mẽ; quốc gia nào cũng muốn khẳng định vị thế, vai trò của mình trong quan hệ quốc tế.

- a) Trong trật tự thế giới đa cực, nhiều trung tâm, Mỹ và Trung Quốc là những nước đang có vị thế, ảnh hưởng hàng đầu thế giới.
- b) Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ là nguyên nhân trực tiếp, tạo cơ hội cho Trung Quốc vươn lên trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.
- c) Phát huy thành công sức mạnh nội lực là yếu tố quyết định để các nước khẳng định trong xu thế đa cực, nhiều trung tâm.
- d) Trong xu thế đa cực và xu thế toàn cầu hoá, các quốc gia có nhiều thời cơ lớn, nhưng Loại cũng có không ít thách thức và rào cản.

Chương 2. ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

Bài 4. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN

a/ Quá trình hình thành ASEAN

Bối cảnh lịch sử

- Sau khi giành được độc lập, các nước Đông Nam Á nhận thấy sự cần thiết phải hợp tác để cùng phát triển.
- Muốn hạn chế sự ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài.

Quá trình hình thành

- Tháng 01 – 1959, Hiệp ước hữu nghị và hợp tác kinh tế Đông Nam Á (SEAFET) gồm Malaysia và Philippines ra đời.
- Tháng 7 – 1961, Malaysia, Philippines và Thái Lan liên kết thành lập Hiệp hội Đông Nam Á (ASA).

- Năm 1963, Indonesia, Malaysia và Philippines hợp tác thành lập khối MAPHILINDO.

Tuy nhiên, các tổ chức và khối nhanh chóng tan rã do không dung hòa được lợi ích của các nước thành viên.

Ngày 8 tháng 8 năm 1967, tại Bangkok (Thái Lan) Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập trên cơ sở Tuyên bố ASEAN (Tuyên bố Băng Cốc) giữa ngoại trưởng 5 nước: , Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan.

b/ Mục đích thành lập ASEAN

- Tăng cường hợp tác kinh tế, văn hóa, xã hội hướng đến thúc đẩy các nước thành viên phát triển.

- Nỗ lực phát triển khu vực Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, tự do, thịnh vượng và thống nhất tất cả các nước thành viên.

2. Hành trình phát triển của ASEAN

a/ Từ ASEAN 5 (1967) đến ASEAN 10 (1999)

- Ngày 8-8-1967, có 5 nước tham gia sáng lập.
- Ngày 07-01-1984, Bru-nây gia nhập.
- Ngày 28-7-1995, Việt Nam gia nhập.
- Ngày 23-7-1997, Myanmar và Lào gia nhập.
- Ngày 30-4-1999, Campuchia gia nhập.

b/ Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN từ 1967 đến nay.

- Giai đoạn 1967 – 1976: ASEAN tập trung phát triển cơ cấu tổ chức, hoàn thiện nguyên tắc hoạt động, chú trọng hợp tác giữa các thành viên trong tổ chức.
- Giai đoạn 1976 – 1999: đẩy mạnh hợp tác giữa các nước thành viên và các đối tác bên ngoài, mở rộng ASEAN 5 thành ASEAN 10.
- Giai đoạn 1999 – 2015: chú trọng củng cố sự đoàn kết trong tổ chức.
- Giai đoạn 2015 – nay: Cộng đồng ASEAN được thành lập, tập trung thực hiện các mục tiêu của Cộng đồng, thúc đẩy hợp tác nội khối trên cơ sở 3 trụ cột APSC, AEC, ASCC.

B. NỘI DUNG ÔN LUYỆN

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. ASEAN được thành lập trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Các nước trong khu vực đã hoàn thành công nghiệp hoá đất nước.
- B. Nhiều nước Đông Nam Á đã vươn lên trở thành “con rồng” kinh tế.
- C. Các nước có độc lập dân tộc nhưng gặp khó khăn trong phát triển.
- D. Xu thế toàn cầu hoá xuất hiện và ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Câu 2. Nội dung nào sau đây là bối cảnh lịch sử thành lập ASEAN?

- A. Xu thế khu vực hoá đã xuất hiện và ngày càng phát triển mạnh mẽ.
- B. Nhiều nước Đông Nam Á đã vươn lên trở thành “con rồng” kinh tế.
- C. Xu thế toàn cầu hoá đã xuất hiện và ngày càng phát triển mạnh mẽ.
- D. Liên Xô và các nước đã tuyên bố chấm dứt cuộc Chiến tranh lạnh.

Câu 3. Nội dung nào sau đây là bối cảnh lịch sử thành lập ASEAN?

- A. Các nước trong khu vực đã gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).
- B. Cuộc chiến tranh Mỹ xâm lược Việt Nam đang bước vào giai đoạn cuối.
- C. Các nước lớn đang tìm cách biến Đông Nam Á thành khu vực ảnh hưởng.

D. Xu thế hoà hoãn Đông – Tây đang xuất hiện và trở thành xu thế chủ đạo.

Câu 4. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được ra đời trong bối cảnh

A. các quốc gia trong khu vực có chung một ngôn ngữ.

B. cuộc chiến tranh trên bán đảo Triều Tiên đang diễn ra.

C. cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba đã kết thúc.

D. các tổ chức liên kết khu vực đã ra đời, hoạt động hiệu quả.

Câu 5. Nội dung nào sau đây không phải là bối cảnh thành lập ASEAN?

A. Các nước trong khu vực có chung một tôn giáo và tín ngưỡng cộng đồng.

B. Cuộc Chiến tranh lạnh đã tác động sâu sắc đến nhiều nước trong khu vực.

C. Các nước đã có độc lập dân tộc, đặt ra yêu cầu hợp tác để cùng phát triển.

D. Các nước lớn đang tìm cách biến Đông Nam Á thành khu vực ảnh hưởng.

Câu 6. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời (1967) không gắn với

A. cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba đã và đang diễn ra.

B. sự kiện nhiều nước trong khu vực đã giành được độc lập dân tộc.

C. cuộc Chiến tranh lạnh đang diễn ra, tác động đến nhiều nước.

D. mục tiêu liên kết khu vực để cùng chống chủ nghĩa thực dân.

Câu 7. Trước khi Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập, trên thế giới đã xuất hiện tổ chức liên minh mang tính khu vực nào sau đây hoạt động hiệu quả?

A. Cộng đồng châu Âu.

C. Liên minh hợp tác Đông Á.

B. Hiệp hội các nước Nam Á.

D. Liên minh châu Âu.

Câu 8. ASEAN được thành lập phản ánh xu thế nào sau đây?

A. Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.

C. Toàn cầu hoá, quốc tế hoá.

B. Liên minh hợp tác khu vực.

D. Trật tự đa cực nhiều trung tâm.

Câu 9. Quốc gia nào sau đây đã gửi dự thảo đến một số nước trong khu vực để thành lập tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

A. Phi-lip-pin.

B. Thái Lan.

C. Ma-lai-xi-a.

D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 10. Quốc gia nào sau đây là một trong những thành viên của ASEAN?

A. Hàn Quốc.

B. Mông Cổ.

C. Ấn Độ.

D. Ma-lai-xi-a.

Câu 11. Một trong những thành viên sáng lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là

A. Mi-an-ma. B. Lào. C. Thái Lan. D. Cam-pu-chia.

Câu 12. Nhận định nào sau đây không đúng về thành viên sáng lập ASEAN?

A. Gồm 5 nước: Thái Lan, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin và Xin-ga-po.

B. Gồm các nước Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa.

C. Tham gia sáng lập tổ chức chỉ có các nước Đông Nam Á lục địa.

D. Tuy khác biệt về ngôn ngữ nhưng các nước có nhu cầu hợp tác.

Câu 13. Quốc gia nào sau đây không phải là một trong những thành viên sáng lập ASEAN?

A. Thái Lan. B. Ma-lai-xi-a. C. Xin-ga-po. D. Mi-an-ma,

Câu 14. Năm 1995, quốc gia nào sau đây trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN?

A. Mi-an-ma. B. Lào. C. Cam-pu-chia. D. Việt Nam.

Câu 15. Năm 1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập ở

A. Hà Nội. B. Băng Cốc. C. Phnôm Pênh. D. Viêng Chăn.

Câu 16. ASEAN được thành lập với mục đích nào sau đây?

A. Thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa các thành viên để tạo ra một đối trọng với Trung Quốc.

B. Đẩy mạnh hợp tác toàn diện, trọng tâm là công nghệ để thích ứng xu thế toàn cầu hoá.

C. Tăng cường hợp tác kinh tế, văn hoá, xã hội để phát triển và hội nhập khu vực. thế giới.

D. Đẩy mạnh quan hệ hợp tác song phương về quốc phòng để tiến tới nhất thể hoá khu vực.

Câu 17. ASEAN được thành lập với mục đích nào sau đây?

A. Tăng cường hợp tác giữa các nước trong khu vực với Mỹ, Liên Xô và Trung Quốc.

B. Giải quyết sự bất đồng, tranh chấp giữa các nước liên quan đến vấn đề Biển Đông.

C. Hợp tác cùng nhau phát triển dựa trên một nền tảng kinh tế và chính trị thống nhất.

D. Phân đấu đưa Đông Nam Á trở thành một khu vực hoà bình, tự do và thịnh vượng.

Câu 18. Năm 1984, quốc gia nào sau đây trở thành thành viên thứ 6 của ASEAN?

A. Lào. B. Bru-nây. C. Cam-pu-chia. D. Mi-an-ma.

Câu 19. Việt Nam gia nhập ASEAN vào thời gian nào sau đây?

A. Năm 1995. A. Năm 1996. C. Năm 1997. D. Năm 1998.

Câu 20. Năm 1997, hai quốc gia nào sau đây trở thành thành viên thứ 8,9 của ASEAN?

A. Bru-nây và Việt Nam. C. Cam-pu-chia và Lào.

B. Thái Lan và Mi-an-ma. D. Lào và Mi-an-ma.

Câu 21. Ba nước Đông Dương và Mi-an-ma gia nhập ASEAN trong bối cảnh nào sau đây?

A. Chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới.

B. Bán đảo Triều Tiên được thống nhất trở lại.

C. Xu thế toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ.

D. Xu thế hoà hoãn Đông – Tây đang diễn ra.

Câu 22. Năm 1999, quốc gia nào sau đây trở thành thành viên thứ 10 của ASEAN?

A. Bru-nây. B. Mi-an-ma. C. Cam-pu-chia. D. Lào.

Câu 23. Ngay sau khi thành lập, trong giai đoạn 1967 – 1976 ASEAN đã

A. bước đầu phát triển về cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động.

B. quyết định thành lập Cộng đồng ASEAN.

C. phát triển mạnh về số thành viên, từ 5 nước lên 10 nước.

D. tham gia giải quyết việc lập lại hoà bình ở Cam-pu-chia.

Câu 24. Nội dung nào sau đây là một trong những hoạt động nổi bật của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trong giai đoạn 1967 – 1976?

A. Phản đối Trật tự thế giới hai cực I-an-ta, ủng hộ xu thế đa cực.

B. Tập trung vào hợp tác trên lĩnh vực chính trị — an ninh.

C. Tích cực ủng hộ việc đấu tranh chống Mỹ xâm lược Việt Nam.

D. Tham gia vào giải quyết căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên.

Câu 25. Nội dung nào sau đây là một trong những hoạt động nổi bật của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trong giai đoạn 1976 – 1999?

- A. Phát triển số lượng thành viên, từ 5 nước lên 10 nước.
- B. Hợp tác hiệu quả trong hoạt động chống chủ nghĩa khủng bố.
- C. Bước đầu phát triển về cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động.
- D. Các nước tập trung hợp tác trên lĩnh vực chính trị — an ninh.

Câu 26. Nội dung nào sau đây là một trong những thành tựu về chính trị – an ninh của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trong giai đoạn 1976 – 1999?

- A. Tham gia vào giải quyết việc lập lại hoà bình ở Cam-pu-chia.
- B. Bước đầu phát triển về cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động.
- C. Các nước tập trung hợp tác trên lĩnh vực chính trị — an ninh.
- D. Hợp tác hiệu quả trong hoạt động chống chủ nghĩa khủng bố.

Câu 27. Nội dung nào sau đây là một trong những hoạt động nổi bật của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trong giai đoạn 1999 – 2015?

- A. Hợp bàn và đã thông qua bản Hiến chương ASEAN.
- B. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động.
- C. Tham gia giải quyết vấn đề hoà bình ở In-đô-nê-xi-a.
- D. Hoàn thành việc kết nạp Đông Ti-mo vào ASEAN.

Câu 28. Trong giai đoạn 1967 – 1976, ASEAN coi trọng vấn đề chính trị – an ninh vì một trong những lí do nào sau đây?

- A. Mỹ bắt đầu có những hành động can thiệp, dính líu vào Đông Dương.
- B. Cuộc Chiến tranh lạnh đã và đang tác động sâu sắc đến nhiều nước.
- C. Xu thế toàn cầu hoá xuất hiện và có những bước phát triển mạnh mẽ.
- D. Việc lập lại hoà bình ở Cam-pu-chia trở thành tâm điểm của khu vực.

Câu 29. Sự kiện đánh dấu bước ngoặt của ASEAN) trong giai đoạn 1967 – 1976 là

- A. Hiến chương ASEAN được thông qua.
- B. Cam-pu-chia gia nhập ASEAN.
- C. Hiệp ước Ba-li được kí kết.
- D. Thành lập Cộng đồng ASEAN.

Câu 30. Trong giai đoạn 2009 – 2015, nhiều biện pháp tích cực đã được triển khai nhằm

- A. chuẩn bị cho việc tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN.
- B. chuẩn bị cho việc kí kết Hiến chương ASEAN.
- C. chuẩn bị cho sự thành lập của Cộng đồng ASEAN.
- D. chuẩn bị cho Cộng đồng ASEAN chính thức hoạt động.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:Trong quá trình tìm kiếm sự hợp tác giữa các nước Đông Nam Á đã xuất hiện những tổ chức khu vực và kí các hiệp ước giữa các nước trong khu vực. Tháng 1-1959, Hiệp ước hữu nghị và kinh tế Đông Nam Á (SAFET) bao gồm Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin ra đời. Tháng 7-1961, Hội Đông Nam Á (ASA) gồm Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin và Thái Lan được thành lập. Tháng 8-1963, một tổ chức gồm Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a (MAPHILINDO) được thành lập. Tuy nhiên, những tổ chức trên đây không tồn tại được lâu do sự bất đồng giữa các nước về vấn đề lãnh thổ và chủ quyền”.

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), Lịch sử thế giới hiện đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.358)

- a) Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a là những quốc gia sớm có ý tưởng về việc thành lập một tổ chức khu vực ở Đông Nam Á.
- b) Yếu tố quyết định để thành lập và mở rộng Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là các nước phải tôn trọng độc lập, chủ quyền và lãnh thổ của nhau.
- c) Các tổ chức tiền thân của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) không tồn tại lâu là do không thống nhất được giá cả và thị trường tiêu thụ hàng hoá.
- d) Trong bối cảnh khu vực và quốc tế có nhiều biến động, yêu cầu hợp tác để phát triển giữa các nước trong khu vực Đông Nam Á là yêu cầu tất yếu. cùng

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:“Thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hoá trong khu vực thông qua những nỗ lực hợp tác chung trên tinh thần bình đẳng và hợp tác nhằm tăng cường cơ sở cho một cộng đồng các nước Đông Nam Á hoà bình và thịnh vượng.

Thúc đẩy hoà bình ổn định khu vực bằng việc tôn trọng pháp lí và nguyên tắc luật pháp trong quan hệ giữa các nước trong khu vực và tuân thủ các nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc.

Thúc đẩy sự cộng tác tích cực và giúp đỡ lẫn nhau trong các vấn đề cùng quan tâm trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học – kỹ thuật và hành chính”.

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.358)

a) Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời năm 1967 là một tổ chức liên thiết giữa mình chính trị – kinh tế của khu vực, nằm trong Cộng đồng ASEAN.

b) Nguyên tắc hoạt động của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) có những điểm tương đồng với nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.

c) Một trong những mục đích thành lập của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là duy trì hoà bình ổn định của khu vực.

d) Ngay từ khi ra đời, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã hướng đến xây dựng một cộng đồng vì hoà bình và thịnh vượng.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau đây:Hiệp ước thân thiện và hợp tác (Hiệp ước Ba-li) được Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) thông qua tại Ba-li (In-đô-nê-xi-a, tháng 2-1976), đã đặt khuôn khổ cho một nền hoà bình lâu dài ở khu vực, dựa trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau; không can thiệp vào nội bộ của nhau; giải quyết các tranh chấp trong khu vực bằng biện pháp hoà bình; kêu gọi các nước hợp tác có hiệu quả trên các lĩnh vực nông – công nghiệp, thương mại,... vì lợi ích chung của các nước trong khu vực.

a) Hiệp ước Ba-li (1976) đã xác định được những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước trong khu vực Đông Nam Á.

b) Hiệp ước Ba-li đã mở ra một bước phát triển mới của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

c) Nội dung cơ bản của Hiệp ước Ba-li được xây dựng trên nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc, trong đó coi trọng vấn đề an ninh – chính trị của khu vực Đông Nam Á.

d) Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) thông qua Hiệp ước Ba-li (1976) với mục tiêu hàng đầu là kết nối và kết nạp các nước trong khu vực vào tổ chức ASEAN.

Bài 5. CỘNG ĐỒNG ASEAN: TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC

A. Kiến thức cơ bản

1. Ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

a. Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN

- Ngay khi ra Tuyên bố ASEAN năm 1967, ASEAN đã mong muốn “xây dựng một cộng đồng thịnh vượng và hòa bình ở Đông Nam Á”.
- Tháng 12 – 1997, văn kiện *Tầm nhìn ASEAN 2 020* xác định mục tiêu đưa ASEAN trở thành một nhóm hài hòa các dân tộc Đông Nam Á gắn bó, đùm bọc lẫn nhau.
- Tháng 10 – 2003, ASEAN ký Tuyên bố về sự Hòa hợp ASEAN II (Tuyên bố Bali II) đặt nền móng cho sự hình thành Cộng đồng ASEAN.
- Tháng 01 – 2007, ASEAN đã quyết định đẩy nhanh tiến trình liên kết nội khối, thống nhất mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2015.

b. Mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN

- Mục tiêu tổng quát của Cộng đồng ASEAN là xây dựng hiệp hội thành một tổ chức hợp tác liên Chính phủ liên kết sâu rộng hơn và ràng buộc hơn.
- Cộng đồng ASEAN cũng hướng tới mục tiêu làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, giữ vai trò trung tâm ở khu vực.

c. Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

- Tháng 02 – 2009, ASEAN thông qua lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN trong giai đoạn 2009 - 2015 kèm theo kế hoạch tổng thể xây dựng 3 trụ cột.
- Ngày 09 - 04 – 2010, ASEAN thống nhất chủ đề: hướng tới Cộng đồng ASEAN từ tầm nhìn đến hành động.
- Ngày 22 – 11 – 2015, ASEAN ra Tuyên bố Cu-a-la Lăm-pơ về việc thành lập Cộng đồng ASEAN với 3 trụ cột: APSC, AEC và ASCC.

2. Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN

a) Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN (APSC)

Mục tiêu: nỗ lực tạo dựng môi trường hoà bình và an ninh ở khu vực thông qua việc nâng cao hợp tác chính trị – an ninh ASEAN.

Nội dung chính

- Hoạt động giữa các thành viên dựa trên các giá trị, chuẩn mực chung.
- Gắn kết, hoà bình và tự cường, có trách nhiệm chung bảo đảm an ninh toàn diện.
- Xây dựng một khu vực năng động, quan hệ rộng mở với bên ngoài.

b) Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)

Mục tiêu

- Hướng đến tạo dựng một khu vực kinh tế ASEAN ổn định, thịnh vượng và cạnh tranh cao – Có sự di chuyển tự do của hàng hoá, dịch vụ, đầu tư, vốn, giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách phát triển.

Nội dung chính

- Tạo ra một thị trường chung và cơ sở sản xuất thống nhất.
- Xây dựng một khu vực có sức cạnh tranh, phát triển đồng đều.
- Đưa Cộng đồng hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu.

c) Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN (ASCC)

Mục tiêu

- Hướng đến xây dựng một cộng đồng lấy con người làm trung tâm.
- Chú trọng gìn giữ và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của khu vực, thúc đẩy trao đổi văn hoá, đề cao nguyên tắc thống nhất trong đa dạng.

Nội dung chính

- Chú trọng phát triển con người.
- Xây dựng cộng đồng các xã hội đùm bọc lẫn nhau, gắn kết xã hội của khu vực.

3. Cộng đồng ASEAN sau năm 2015

a) Tầm nhìn ASEAN sau năm 2015

- Ngày 22 – 11 – 2015, Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 27 ở Cu-a-la Lăm-pơ (Ma-lai-xi-a) ASEAN thông qua Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025.
- Tháng 11 – 2020, tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 37 ở Hà Nội (Việt Nam), ASEAN triển khai soạn thảo Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025 theo lộ trình đã đề ra.

b) Những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN

• Những thách thức của Cộng đồng ASEAN

- Vấn đề an ninh được xem là thách thức lớn nhất mà Cộng đồng ASEAN phải đối mặt.

- Sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, khoa học - công nghệ.
- Sự khác biệt trong hệ thống chính trị giữa các nước ASEAN.
- Những vấn đề an ninh phi truyền thống như: ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh...

Những triển vọng của Cộng đồng ASEAN

- Tiếp tục phát huy đặc trưng "thống nhất trong đa dạng" tạo dựng sự đoàn kết, tự cường, thích ứng trước những biến động phức tạp của thế giới.
- Quá trình hoàn thiện thể chế, chính sách và các cơ chế hợp tác của Cộng đồng tiếp tục được đẩy mạnh, thúc đẩy sự hợp tác và phát triển của các thành viên trong Cộng đồng, đưa khu vực Đông Nam Á trở thành một trong những khu vực phát triển năng động bậc nhất của thế giới.
- Cộng đồng ASEAN thông qua tổ chức ASEAN ngày càng mở rộng quan hệ với các đối tác bên ngoài.

B. Nội dung ôn luyện

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Ý tưởng về xây dựng Cộng đồng ASEAN được khởi nguồn từ khi

A. các nước ASEAN kí kết Hiệp ước Ba-li (1976). B. thành lập tổ chức ASEAN (1967) tại Thái Lan.

C. tổ chức ASEAN có đủ 10 nước thành viên (1999). D. “vấn đề Cam-pu-chia” được giải quyết (1991).

Câu 2. Ý tưởng về xây dựng Cộng đồng ASEAN lần đầu tiên được đề ra trong thời

- A. Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ (1971). C. Tuyên bố Băng Cốc (1967).
B. Hiến chương ASEAN (2007). D. Hiệp ước Ba-li (1976).

Câu 3. Trong Tuyên bố Băng Cốc (1967), các nước thành viên ASEAN đã đề ra ý tưởng vi nào sau đây?

- A. Xây dựng một cộng đồng các nước Đông Nam Á hoà bình và thịnh vượng.
B. Tổ chức Đông Nam Á thành một khu vực mậu dịch tự do trong vòng 10 năm.
C. Thành lập tổ chức liên minh chính trị – quân sự của các nước trong khu vực.
D. Thúc đẩy quan hệ kinh tế, văn hoá giữa ASEAN và Cộng đồng châu Âu (EC).

Câu 4. ASEAN chính thức khẳng định ý tưởng thành lập Cộng đồng ASEAN tại Hội nghị nào sau đây?

- A. Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 13 tại Xin-ga-po (2007).
B. Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ nhất tại In-đô-nê-xi-a (1976).
C. Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức ở Ma-lai-xi-a (1997).
D. Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 16 tại Hà Nội (2010).

Câu 5. Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức được tổ chức tại Ma-lai-xi-a (1997) có nội dung cơ bản nào sau đây?

- A. Các nước đồng thuận đề xuất ý tưởng thành lập Cộng đồng ASEAN.
B. Quyết định tổ chức Đông Nam Á thành một khu vực mậu dịch tự do.
C. Kí Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á (Hiệp ước Ba-li).
D. Các nước chính thức khẳng định ý tưởng lập ra Cộng đồng ASEAN.

Câu 6. Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức được tổ chức tại Ma-lai-xi-a (1997) đã thông qua văn kiện quan trọng nào sau đây?

- A. Tuyên bố Băng Cốc. B. Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ.
C. Hiến chương ASEAN. D. Tầm nhìn ASEAN 2020.

Câu 7. “Toàn bộ Đông Nam Á sẽ là một cộng đồng ASEAN, nhận thức được các mối liên hệ lịch sử của mình, hiểu rõ di sản văn hoá của mình và gắn bó với nhau bằng một bản sắc chung của khu vực” là một trong những nội dung quan trọng của văn kiện nào sau đây?

- A. Tầm nhìn ASEAN 2020. B. Hiệp ước Ba-li.
C. Tuyên bố về sự hoà hợp ASEAN. D. Tuyên bố Băng Cốc.

- Câu 8. Văn kiện Tầm nhìn ASEAN 2020 được thông qua tại hội nghị nào sau đây?
- A. Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao của các nước ASEAN (1995).
 - B. Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ nhất tại In-đô-nê-xi-a (1976).
 - C. Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức ở Ma-lai-xi-a (1997).
 - D. Hội nghị thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (1967).
- Câu 9. Xây dựng Cộng đồng ASEAN, định hướng cho sự phát triển trong tương lai của ASEAN là một trong những nội dung quan trọng của văn kiện nào sau đây?
- A. Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ (1971).
 - B. Hiến chương ASEAN (2007).
 - C. Tuyên bố Băng Cốc (1967).
 - D. Tầm nhìn ASEAN 2020.
- Câu 10. Nội dung nào sau đây là mục tiêu của các nước ĐNÁ khi đề ra và xây dựng Cộng đồng ASEAN?
- A. Tiến tới thành lập một nghị viện chung cho các nước trong khu vực.
 - B. Thúc đẩy thành lập một liên minh về chính trị, quân sự và ngoại giao.
 - C. Xây dựng một tổ chức hợp tác liên chính phủ có liên kết sâu rộng.
 - D. Hạn chế triệt để ảnh hưởng của các cường quốc đối với khu vực.
- Câu 11. Văn kiện Tầm nhìn ASEAN 2020 đề xuất ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN có một trong những đặc điểm nào sau đây?
- A. Xây dựng một cộng đồng hợp tác toàn diện, tiến tới sử dụng đồng tiền chung của ASEAN.
 - B. Có nhận thức về các mối quan hệ lịch sử, gắn bó với nhau trong một bản sắc khu vực chung.
 - C. Giữ gìn hoà bình và ổn định khu vực, từng bước tiến tới thiết lập một cơ quan nghị viện chung.
 - D. Nâng cao vị thế của ASEAN, bỏ kiểm soát việc đi lại của công dân qua biên giới của nhau.
- Câu 13. Nội dung nào sau đây là một trong những mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN?
- A. Thiết lập quan hệ hợp tác chiến lược với tất cả các tổ chức liên kết kinh tế thế giới.
 - B. Đưa ASEAN trở thành một cộng đồng với chính sách đối ngoại và an ninh chung.

C. Tạo ra một cộng đồng ASEAN cạnh tranh hiệu quả với các tổ chức hợp tác khu vực.

D. Đưa ASEAN trở thành một cộng đồng với ba trụ cột có mức độ liên kết sâu rộng hơn.

Câu 14. Nội dung nào sau đây là một trong những mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN?

A. Thúc đẩy ASEAN mở rộng hợp tác với bên ngoài.

B. Tạo điều kiện để ASEAN tập trung hợp tác nội khối.

C. Đưa tốc độ tăng trưởng của ASEAN cao nhất thế giới.

D. Đưa ASEAN trở thành một tổ chức nhất thể hoá khu vực.

Câu 15. Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN được đề ra trong văn bản nào sau đây?

A. Tầm nhìn ASEAN 2020.

B. Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ (1971).

C. Tuyên bố Băng Cốc (1967).

D. Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN (2009 – 2015).

Câu 16. Năm 2015, Cộng đồng ASEAN đạt được thành quả cơ bản nào sau đây?

A. Ý tưởng thành lập Cộng đồng ASEAN được các thành viên thông qua.

B. Cộng đồng ASEAN có nhiều hoạt động để kết nối hai lục địa Á – Âu.

C. Hoàn thành về cơ bản việc triển khai các kế hoạch xây dựng cộng đồng.

D. Các kế hoạch xây dựng cộng đồng bắt đầu được triển khai ở Ma-lai-xi-a.

Câu 17. Năm 2015, các nhà lãnh đạo ASEAN kí kết Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ, đánh dấu sự ra đời của tổ chức nào sau đây?

A. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

B. Cộng đồng ASEAN.

C. Liên minh vì sự tiến bộ Đông Nam Á.
Nam Á.

D. Tổ chức phòng thủ Đông Nam Á.

Câu 18. Cộng đồng ASEAN được xây dựng dựa trên một trong những trụ cột nào sau đây?

A. Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN.
An ninh ASEAN.

B. Cộng đồng Quân sự –

C. Cộng đồng Khoa học kỹ thuật – Giáo dục ASEAN. D. Cộng đồng Quốc phòng – An ninh ASEAN.

Câu 19. Nội dung nào sau đây là một trong những trụ cột của Cộng đồng ASEAN?

- A. Cộng đồng Công nghệ ASEAN. C. Cộng đồng An ninh ASEAN.
B. Cộng đồng Quốc phòng ASEAN. D. Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

Câu 20. Cộng đồng nào sau đây có nội dung tạo dựng bản sắc ASEAN và thu hẹp khoảng cách phát triển?

- A. Cộng đồng Khoa học – Công nghệ ASEAN. B. Cộng đồng Văn hoá – Thể thao ASEAN.
C. Cộng đồng Thương mại – Tài chính ASEAN. D. Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN.

Câu 21. Nội dung nào sau đây không phải là trụ cột của Cộng đồng ASEAN?

- A. Cộng đồng Kinh tế ASEAN. B. Cộng đồng Văn hoá – Thể thao ASEAN.
C. Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN. D. Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN.

Câu 22. Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN hoạt động dựa trên cơ sở nào sau đây?

- A. Đồng thuận xây dựng một khối phòng thủ chung. B. Hạn chế sử dụng vũ lực trong cộng đồng.
C. Tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của ASEAN. D. Thực thi các quyết định dựa trên đa số tán thành.

Câu 23. “Xây dựng một môi trường hoà bình và an ninh cho phát triển ở khu vực Đông Nam Á” là một trong những mục tiêu của

- A. Cộng đồng Kinh tế – Tài chính ASEAN. B. Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN.
C. Cộng đồng Văn hoá – Thể thao ASEAN. D. Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN.

Câu 29. Ý tưởng về việc thành lập trụ cột Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN là sáng kiến của quốc gia nào sau đây?

A. Ma-lai-xi-a. B. Việt Nam. C. In-đô-nê-xi-a. D. Thái Lan.

Câu 30. Sau khi thành lập, Cộng đồng ASEAN sẽ gặp phải một trong những thách thức nào sau đây trong quá trình hoạt động?

- A. Có khoảng cách địa lí giữa hai nhóm nước lục địa và hải đảo.
- B. Nhiều nước vẫn chưa tham gia các diễn đàn lớn trên thế giới.
- C. Chưa có chiến lược mở rộng quan hệ hợp tác ngoài khu vực.
- D. Sự đa dạng chế độ chính trị và đường lối chiến lược ở mỗi nước.

Câu 31. Nội dung nào sau đây không phải là một trong những thách thức của Cộng đồng ASEAN?

- A. Sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các nước.
- B. Tình hình Biển Đông đang trở nên phức tạp hơn.
- C. Có sự đa dạng về chế độ chính trị giữa các nước.
- D. Chưa có vị thế trong khu vực và trên trường quốc tế.

Câu 32. Nội dung nào sau đây là một trong những triển vọng của Cộng đồng ASEAN?

- A. Có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với tất cả các nước châu Á.
- B. Mức độ liên kết ngày càng chặt chẽ và sâu rộng trên cả ba trụ cột.
- C. Có tốc độ tăng trưởng kinh tế và phúc lợi xã hội cao nhất thế giới.
- D. Có vai trò định hướng và quyết định tại tất cả các diễn đàn quốc tế.

Câu 33. Nội dung nào sau đây không phải triển vọng của Cộng đồng ASEAN?

- A. Có quan hệ rộng mở với các đối tác ngoài khu vực Đông Nam Á.
- B. Mức độ liên kết ngày càng chặt chẽ và sâu rộng trên cả ba trụ cột.
- C. Có tốc độ tăng trưởng kinh tế và phúc lợi xã hội cao nhất thế giới.
- D. Thể chế, chính sách và cơ chế hợp tác từng bước hoàn thiện hơn.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc tư liệu sau đây: “Toàn bộ Đông Nam Á sẽ là một cộng đồng ASEAN, nhận thức được các mối liên hệ lịch sử của mình, hiểu rõ di sản văn hoá của mình

và gắn bó với nhau bằng một bản sắc chung của khu vực”.(Nguồn: **Công Thông tin ASEAN – Việt Nam**)

a) Đoạn tư liệu là một phần nội dung được đề cập trong văn kiện Tầm nhìn ASEAN 2020.

b) Việc thành lập Cộng đồng ASEAN đã tăng cường sự hợp tác giữa các nước ASEAN, đưa tổ chức này phát triển lên một nấc thang mới.

c) Cộng đồng ASEAN ra đời không có mối liên hệ với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

d) Sự ra đời của Cộng đồng ASEAN là một trong những biểu hiện của xu thế toàn cầu hoá.

Câu 2. Đọc tư liệu sau đây:“Cộng đồng ASEAN sẽ được thành lập gồm ba trụ cột là hợp tác chính trị và an ninh, hợp tác kinh tế và hợp tác văn hoá – xã hội được gắn kết chặt chẽ và cùng tăng cường cho mục đích đảm bảo hoà bình, ổn định lâu dài và cùng thịnh vượng trong khu vực”.

(Trích: **Thỏa ước Ba-li II (2003)**, Nguồn: **Bộ Ngoại giao**)

a) Theo nội dung tư liệu, Cộng đồng ASEAN ra đời và hoạt động dựa trên ba trụ cột nhằm tăng cường sự hợp tác, gắn kết giữa các nước trong khu vực.

b) Trong ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN, trụ cột về văn hoá – xã hội được các thành viên xác định là quan trọng nhất.

c) Một trong những mục tiêu thành lập Cộng đồng ASEAN là hướng tới duy trì hoà bình ổn định của khu vực Đông Nam Á.

d) Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN được thành lập phản ánh quy luật tất yếu của sự hợp tác giữa các nước trong xu thế hoà hoãn Đông – Tây.

Câu 3. Đọc tư liệu sau đây:“Xây dựng một cộng đồng dựa trên các giá trị và chuẩn mực chung; Tạo dựng một khu vực gắn kết, hoà bình và tự cường với trách nhiệm chung đối với an ninh toàn diện; Hướng tới một khu vực năng động và rộng mở với bên ngoài trong một thế giới ngày càng liên kết và tùy thuộc”.

(Nguồn: **Công Thông tin Việt Nam – ASEAN**)

a) Nội dung tư liệu ghi nhận một trong những hoạt động của Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN.

b) Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN cho thấy sự phù hợp với bối cảnh toàn cầu hoá.

c) Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN giữ vai trò quyết định trong việc duy trì hoà bình, ổn định lâu dài của khu vực Đông Nam Á.

d) Sự ra đời của Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN là sáng kiến của ba nước Đông Dương.

Chương 3. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM(Từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay)

Bài 6. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

A. Kiến thức cơ bản

1. Bối cảnh lịch sử

– Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.

- Ngày 15 – 8 – 1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Quân đội Nhật ở Đông Dương rệu rã, Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang.

- Từ tháng 3 đến tháng 8 – 1945, cao trào kháng Nhật, cứu nước diễn ra mạnh mẽ ở Việt Nam. Quán chúng cách mạng đã sẵn sàng nổi dậy khởi nghĩa.

– Ngày 13 – 8 – 1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ “Tết Minh thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, ban bố Quân lệnh số 1, chính thức phát ảnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

- Từ ngày 14 đến ngày 15 – 8 – 1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa và quyết định chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.

– Từ ngày 16 đến ngày 17 – 8 – 1945, Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

2. Diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945

– Ngày 14, 15 – 8 – 1945: một số địa phương phát động khởi nghĩa giành thắng lợi như Các xã, huyện thuộc đồng bằng sông Hồng, Thanh Hoá, Nghệ An,...

– Ngày 16 – 8 – 1945: một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên,

– Ngày 18 – 8 – 1945: nhân dân 4 tỉnh Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành chính quyền sớm nhất trong cả nước.

– Ngày 19 – 8 – 1945: khởi nghĩa nổ ra và giành thắng lợi ở Hà Nội. – Ngày 23 – 8 – 1945: khởi nghĩa nổ ra và giành thắng lợi ở Huế – Ngày 25 – 8 – 1945: khởi nghĩa nổ ra và giành thắng lợi ở Sài Gòn.

– Ngày 28 – 8 – 1945: Đồng Nai Thương và Hà Tiên là những địa phương cuối cùng trong cả nước khởi nghĩa giành chính quyền.

– Ngày 30 – 8 – 1945: tại kinh đô Huế, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị; chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ.

– Ngày 02 – 9 – 1945: Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn thành công đã tác động đến các địa phương khác đưa đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 trên cả nước.

3. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945

a) Nguyên nhân thắng lợi

- Có sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu Chủ tịch Hồ Chí Minh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng nhân dân đã được tái dượt, chuẩn bị và trưởng thành qua các phong trào cách mạng 1930 – 1931, 1936 – 1939 và 1939 – 1945.

- Nhân dân Việt Nam có lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần đoàn kết, truyền thống bất khuất. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Hồ Chí Minh nhân dân Việt Nam đã “đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta.

- Thắng lợi của lực lượng Đồng minh và Hồng quân Liên Xô trong cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít, trực tiếp là quan phiệt Nhật, buộc Chính phủ Nhật phải đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, tạo thời cơ chín muồi để nhân dân Việt Nam nổi dậy giành chính quyền.

b) Ý nghĩa lịch sử

– Mở ra bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc; đập tan ách thống trị của thực dân Pháp và quân phiệt Nhật, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế hơn 1000 năm ở Việt Nam lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, mở ra kỉ nguyên mà trong lịch sử dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do, nhân dân lao động làm chủ đất nước kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp.

- Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành Đảng cầm quyền, tạo ra những điều kiện tiên quyết cho những thắng lợi tiếp theo.

- Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai có và các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đứng lên đấu tranh tự giải phóng.

c) Bài học kinh nghiệm

– Bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

– Bài học về xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.

- Bài học về nắm bắt thời cơ.

B. Nội dung ôn luyện

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam nổ ra trong bối cảnh quốc tế nào sau đây?

- A. Phe Đồng minh vừa được thành lập và tuyên chiến với phát xít.
- B. Quân phiệt Nhật Bản đầu hàng quân Đồng minh không điều kiện.
- C. Chiến tranh lạnh bùng nổ và lôi kéo nhiều quốc gia tham chiến.
- D. Đức mở cuộc tấn công Liên Xô, bị Hồng quân Liên Xô đánh bại.

Câu 2. Lệnh Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên toàn quốc được ĐCS Đông Dương ban bố trong hoàn cảnh lịch sử nào sau đây?

- A. Nhật Bản chuyển giao chính quyền cho nội các Trần Trọng Kim.
- B. Tổng bộ Việt Minh được thành lập và ra lệnh sẵn sàng khởi nghĩa.
- C. Nhiều tỉnh thành trên cả nước đã tuyên bố giành được chính quyền.
- D. Quân Nhật hoang mang, quân Đồng minh chưa vào Đông Dương.

Câu 3. Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) trong hai ngày 14 và 15-8-1945 đưa ra chủ trương nào sau đây?

- A. Phát động Cao trào kháng Nhật cứu nước trên toàn quốc.
- B. Quyết định giành chính quyền ở Thủ đô Hà Nội trước tiên.
- C. Quyết định các vấn đề đối nội sau khi giành chính quyền.
- D. Phát động cuộc tổng công kích quân Nhật trên toàn quốc.

Câu 4. Trong hai ngày 16 và 17-8-1945, Đại hội Quốc dân tại Tân Trào (Tuyên Quang) đã

- A. bầu Chính phủ liên hiệp kháng chiến chống Nhật.
- B. tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng.
- C. phát động cuộc chiến tranh du kích trên toàn quốc.
- D. thông qua bản Quân lệnh số 1, chuẩn bị hành động.

Câu 5. Những địa phương nào sau đây giành chính quyền ở tỉnh lỵ sớm nhất trong CMT8-1945 ở VN?

- A. Bắc Giang, Hải Dương, Hải Phòng và Thanh Hoá.
- B. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh và Quảng Nam.
- C. Thủ đô Hà Nội, Hải Phòng, Huế và Quảng Nam.
- D. Thủ đô Hà Nội, Huế, Sài Gòn và Đồng Nai Thượng.

Câu 6. Địa phương giành chính quyền cuối cùng trong CMT8-1945 ở Việt Nam là

A. Huế và Sài Gòn.

C. Bắc Giang và Hà Tĩnh.

B. Hà Nội và Huế.

D. Hà Tiên và Đồng Nai Thượng.

Câu 7. Sắp xếp đúng trình tự thời gian xảy ra các sự kiện lịch sử dựa trên các dữ liệu sau đây:

1. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị. 2. Khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở Sài Gòn.

3. Khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội. 4. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập.

A. 3, 2, 1, 4.

B. 1, 2, 3, 4.

C. 3, 1, 2, 4.

D. 1, 3, 2, 4.

Câu 8. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam diễn ra theo hình thái nào sau

A. Tổng công kích giành chính quyền. C. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

B. Bãi công giành chính quyền.

D. Chiến tranh cách mạng.

Câu 9. Tiến trình khởi nghĩa giành chính quyền ở Việt Nam trong CMT8-1945 là

A. giành chính quyền bộ phận tiến lên giành chính quyền trên toàn quốc.

B. giành chính quyền đồng thời ở cả hai địa bàn – nông thôn và thành thị.

C. giành chính quyền ở nông thôn thắng lợi, sau đó tiến về bao vây đô thị.

D. giành chính quyền ở các đô thị rồi toả về bao vây nông thôn và miền núi.

Câu 10. Sự kiện nào sau đây đánh dấu chế độ phong kiến ở Việt Nam sụp đổ hoàn toàn?

A. Thắng lợi trong giành chính quyền ở Hà Nội. B. Thắng lợi trong giành chính quyền ở Huế.

B. Thắng lợi trong giành chính quyền ở Huế.

C. Tất cả các địa phương được giải phóng.

D. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị ở Huế.

D. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị ở Huế.

Câu 11. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng một trong những nguyên nhân khách quan dẫn đến thắng lợi của CMT8-1945 ở Việt Nam?

A. Sự ủng hộ, giúp đỡ vật chất và tinh thần của phe xã hội chủ nghĩa.

B. Thắng lợi của phe Đồng minh trong cuộc chiến chống chủ nghĩa phát xít.

C. Vai trò lãnh đạo sáng suốt, sáng tạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

D. Tinh thần yêu nước, đoàn kết trong đấu tranh của nhân dân Việt Nam.

Câu 12. Nội dung nào sau đây không phải lí do Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương phát động tổng khởi nghĩa vào tháng 8-1945 ở Việt Nam?

- A. Quá trình chuẩn bị về đường lối và lực lượng cách mạng đã chu đáo.
- B. Quân phiệt Nhật Bản đầu hàng quân Đồng minh không điều kiện.
- C. Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới đang phát triển mạnh mẽ.
- D. Phe xã hội chủ nghĩa viện trợ vũ khí, kinh tế cho Việt Nam khởi nghĩa.

Câu 13. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng nguyên nhân thắng lợi của CMT8-1945 ở Việt Nam?

- A. Sự giúp đỡ, ủng hộ về vật chất và tinh thần của Liên Xô và Đông Âu.
- B. Sự trưởng thành trong chiến đấu của lực lượng vũ trang ba thứ quân.
- C. Quá trình chuẩn bị chu đáo, đầy đủ của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- D. Có sự kết hợp sáng tạo giữa cuộc tổng khởi nghĩa và tổng công kích.

Câu 14. Một trong những nét độc đáo về nghệ thuật giành chính quyền trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

- A. kết hợp lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang ba thứ quân.
- B. quá trình giành chính quyền diễn ra nhanh chóng và ít đổ máu.
- C. đồng loạt Tổng khởi nghĩa và tổng công kích trên toàn quốc.
- D. tiến hành Tổng khởi nghĩa ngay khi quân Nhật đảo chính Pháp.

Câu 15. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam có ý nghĩa lịch sử nào sau đây?

- A. Đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân ở Việt Nam.
- B. Mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do và phát triển dưới chế độ cộng hoà.
- C. Xoá bỏ hoàn toàn mọi tàn tích của chế độ phong kiến ở Việt Nam.
- D. Chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới ở Việt Nam.

Câu 16. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân dẫn tới cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam diễn ra nhanh chóng và ít đổ máu trên phạm vi cả nước?

- A. Kẻ thù chính của cách mạng là quân phiệt Nhật Bản đã đầu hàng.
- B. Lực lượng Đồng minh đưa quân đội vào giúp đỡ cách mạng Việt Nam.
- C. Lực lượng cách mạng đã chuẩn bị chu đáo trên các địa bàn toàn quốc.
- D. Các thế lực phản cách mạng đã bị đánh đổ trên phạm vi cả nước.

Câu 17. Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân đưa tới thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong năm 1945?

- A. Truyền thống dân tộc được Đảng phát huy trong mọi hoàn cảnh.
- B. Sự viện trợ của Liên Xô và lực lượng dân chủ tiên bộ trên thế giới.
- C. Tinh thần đoàn kết của nhân dân Đông Nam Á trong mặt trận chung.
- D. Cuộc Chiến tranh lạnh kết thúc, đem lại thời cơ cho cách mạng.

Câu 18. Nội dung nào sau đây không phải ý nghĩa lịch sử về thắng lợi của CMT8-1945 ở Việt Nam?

- A. Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trên thế giới.
- B. Mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc Việt Nam.
- C. Pháp phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.
- D. Mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc – kỉ nguyên độc lập, tự do.

Câu 19. Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân đưa tới thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Xây dựng được thế trận toàn dân, phát triển lực lượng ở cả nông thôn và thành thị.
- B. Xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân, kết hợp sức mạnh của lực lượng chính trị.
- C. Xây dựng khối đại đoàn kết quốc tế, phát huy sự giúp đỡ của phe xã hội chủ nghĩa.
- D. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lấy lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt.

Câu 20. Thời cơ “ngàn năm có một” trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam tồn tại trong khoảng thời gian nào sau đây?

- A. Tính từ khi Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản đến khi Nhật Bản đầu hàng.
- B. Tính từ khi phát xít Đức đầu hàng đến khi Chiến tranh thế giới kết thúc ở châu Á.
- C. Tính từ khi Nhật Bản đầu hàng đến khi quân Đồng minh tiến vào Đông Dương.
- D. Tính từ khi phát xít Đức đầu hàng đến khi Hồng quân Liên Xô tấn công quân Nhật.

Câu 21. Trong CMT8-1945 ở Việt Nam, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương đã kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Sức mạnh thời đại được hiểu là sức mạnh của

- A. sự viện trợ từ Liên Xô và Trung Quốc.
- B. quân Đồng minh chiến thắng phát xít.
- C. các mặt trận đoàn kết của dân tộc.
- D. Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào.

Câu 22. Nhận xét nào sau đây là đúng về vai trò của lực lượng chính trị trong CMT8-1945 ở Việt Nam?

- A. Lực lượng hỗ trợ cho tổng khởi nghĩa tiến lên chiến tranh cách mạng.
- B. Là lực lượng chủ yếu và đông đảo nhất để tiến hành tổng khởi nghĩa.
- C. Là lực lượng nòng cốt, xung kích trong tổng công kích, tổng khởi nghĩa.
- D. Lực lượng nòng cốt, hỗ trợ lực lượng vũ trang tiến lên giành chính quyền.

Câu 23. Về tính chất, Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam được đánh giá là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, đồng thời mang tính dân chủ vì lí do nào sau đây?

- A. Là một bộ phận của các lực lượng hoà bình, tiến bộ chống chủ nghĩa phát xít.
- B. Đã lật đổ chế độ phong kiến và xoá bỏ hoàn toàn các tàn tích của chế độ cũ.
- C. Hoàn thành mục tiêu chiến lược của cách mạng là độc lập và ruộng đất cho dân cày.
- D. Cuộc cách mạng thực hiện thành công khẩu hiệu “Người cày có ruộng” trên cả nước.

Câu 24. CMT8-1945 ở Việt Nam được đánh giá là cuộc cách gddt điển hình vì lí do nào sau đây?

- A. Quyền lợi của nông dân đã được giải quyết triệt để.
- B. Đã xoá bỏ mọi cơ sở kinh tế – xã hội của chế độ thực dân.
- C. Đã xoá bỏ hoàn toàn các tàn dư của chủ nghĩa đế quốc.
- D. Lập ra nhà nước vì nhân dân, do nhân dân làm chủ.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:“Không những giạt tung được xiềng xích của bọn đế quốc phát xít, Cách mạng tháng Tám lại lật nhào được chế độ quân chủ thành lập trên đất nước ta hàng chục thế kỉ, làm cho nước Việt Nam thành một nước cộng hoà dân chủ ...

Cách mạng tháng Tám tỏ rõ tinh thần chống phát xít và yêu chuộng dân chủ và hai bình của nhân dân Việt Nam... Cách mạng tháng Tám đã chọc thủng được hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc ở một trong những mắt xích yếu nhất của nó, mở đầu cho quá trình tan rã không thể cứu vãn được của chủ nghĩa thực dân thế giới”. (Trường Chinh, *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam – Tác phẩm chọn lọc*, Tập L NXB Sự thật, Hà Nội, 1975, tr.388 – 389,391)

- a) Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đã chấm dứt chế độ quân chủ tồn tại nhiều thế kỉ.
- b) Cách mạng tháng Tám đã xoá bỏ mọi tàn dư của chủ nghĩa thực dân cũ trên đất nước Việt Nam.
- c) Cách mạng tháng Tám góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân trên thế giới.
- d) Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam mang tính chất dân chủ, góp phần vào giải phóng con người.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:“Sự đầu hàng của Chính phủ Nhật đã đẩy quân Nhật đang chiếm đóng ở Đông Dương vào tình thế tuyệt vọng như rắn mất đầu, hoang mang dao động đến cực độ. Chính phủ Trần Trọng Kim rệu rã... Trước tình hình như vậy, Hồ Chí Minh mặc dù đang ốm nặng đã sáng suốt nhận thức rằng: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hi sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”. Như đã nói, đây không chỉ là sự nhận thức khách quan khoa học mà còn biểu hiện quyết tâm đấu tranh giành chính quyền khi thời cơ đã có. Sự kết hợp giữa tình hình khách quan và nhận thức chủ quan một cách chính xác là một trong những điều kiện đưa cách mạng đến thắng lợi”.

(Phan Ngọc Liên (Chủ biên), *Cách mạng tháng Tám năm 1945 – Toàn cảnh*, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2015, tr.48)

a) Phát xít Đức đầu hàng đã tạo ra thời cơ thuận lợi “ngàn năm có một” cho cách mạng Việt Nam.

b) Sự thống nhất trong hành động và quyết tâm giành chính quyền của nhân dân Việt Nam là một trong những yếu tố làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

c) Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam có sự kết hợp giữa yếu tố khách quan thuận lợi với yếu tố chủ quan (đóng vai trò quyết định) là một nhận thức khoa học.

d) Nhận thức rõ yếu tố thời cơ đan xen lẫn yếu tố nguy cơ, Đảng và Hồ Chí Minh đã hành động kịp thời và kiên quyết phát động toàn quốc đứng lên giành chính quyền.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây: “Cách mạng tháng Tám... kết hợp tài tình đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự, một cuộc nổi dậy ở cả nông thôn và thành thị khắp Bắc, Trung, Nam mà đòn quyết định là các cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn và ở các thành phố quan trọng khác. Hành động mau lẹ của Đảng ta chuyển nhanh từ chiến tranh du kích cục bộ ở nông thôn sang phát động tuyệt đại đa số quần chúng nhất tề đứng lên cùng với lực lượng vũ trang mới tổ chức và ít ỏi lúc ban đầu, tiến hành tổng khởi nghĩa ở thành thị là một chủ trương vô cùng sáng suốt của Trung ương Đảng lúc bấy giờ trong việc nắm thời cơ”. **(Lê Duẩn, Tuyển tập, Tập 2, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.786)**

a) Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam mang đặc điểm độc đáo là có sự kết hợp giữa sử dụng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang ba thứ quân.

b) Tiến trình của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam phát triển từ chiến tranh du kích cục bộ ở địa phương lên chiến tranh chính quy trên phạm vi cả nước.

c) Trong Cách mạng tháng Tám, khởi nghĩa nổ ra đồng loạt ở các địa phương, thắng lợi ở mỗi địa phương có vai trò, vị trí như nhau.

d) Nét đặc sắc về nghệ thuật chỉ đạo khởi nghĩa của Đảng là tận dụng thời cơ để đẩy lùi nguy cơ; kết hợp sức mạnh các lực lượng dân tộc và giành chính quyền trên cả hai địa bàn chiến lược.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“1. Cơ hội rất tốt cho ta giành chính quyền.

2. Tình thế vô cùng khẩn cấp. Tất cả mọi việc đều phải nhằm vào ba nguyên tắc:

a) Tập trung – tập trung lực lượng vào những việc chính.

b) Thống nhất – thống nhất về mọi phương diện quân sự chính trị, hành động và chỉ huy.

c) Kịp thời – kịp thời hành động không bỏ lỡ cơ hội.

3. Mục đích cuộc chiến đấu của ta lúc này là giành quyền độc lập hoàn toàn.

4. Khẩu hiệu đấu tranh lớn lúc này là:

– Phản đối xâm lược!

– Hoàn toàn độc lập!

– Chính quyền nhân dân!

5. Đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay thôn quê. Thành lập những uỷ ban nhân dân ở những nơi ta làm chủ”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết của hội nghị toàn quốc Đảng Cộng sản Đông Dương, Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.424 – 425)

a) Đoạn tư liệu cho biết Đảng Cộng sản Đông Dương xác định thời cơ giành chính quyền đã đến.

b) Tư tưởng chủ đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương là tiến hành khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị, trong đó ưu tiên khởi nghĩa ở nông thôn.

c) Một trong những nét đặc sắc về phương thức chỉ đạo giành chính quyền của Đảng Cộng sản Đông Dương là đã xác định ba nguyên tắc hành động: tập trung, thống nhất và kịp thời.

d) Quyết định trong Hội nghị toàn quốc của Đảng đã đánh dấu bước ngoặt, chuyển từ khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền ở các địa phương tiến lên tổng khởi nghĩa trên quy mô toàn quốc.